

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-PT

Ngày: 16-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay

tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Thanh Giang;

2. Bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 61/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 10-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: tổ 6, khu C, xã P, huyện T, tỉnh N, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Ngọc H: anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: khu phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh N. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021), có mặt.

2. *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: tổ 30, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh N, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn P: ông **Trần Văn H**, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: khu phố 5, phường 4, thành phố N, tỉnh N (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021), **có mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-4-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Văn N trình bày:

Trong thời gian từ tháng 11-2019 đến tháng 8-2020, chị H cho anh Nguyễn Văn P vay tiền nhiều lần để xây nhà, đặt cọc và trả tiền nhận chuyển nhượng đất, mua xe ô tô, tổng cộng 1.562.000.000 đồng.

Trong đó:

- Có 05 lần chị H chuyển tiền từ tài khoản của chị H cho anh P nhận bằng chứng minh nhân dân tại Chi nhánh Ngân hàng Vietinbank Tây Ninh - Phòng giao dịch huyện B, thể hiện qua các ủy nhiệm chi cụ thể như sau:

+ Ủy nhiệm chi ngày 29-11-2019, số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ủy nhiệm chi ngày 19-12-2019, số tiền 200.000.000 đồng.

+ Ủy nhiệm chi ngày 02-01-2020, số tiền 50.000.000 đồng.

+ Ủy nhiệm chi ngày 08-01-2020, số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ủy nhiệm chi ngày 25-5-2020, số tiền 162.000.000 đồng.

- 05 lần cho vay không làm giấy tờ, anh P nhận tiền trực tiếp do chị H đưa, không ai chứng kiến, tổng cộng là 1.020.000.000 đồng, cụ thể từng lần như sau:

+ Ngày 28-10-2019, cho vay 100.000.000 đồng để trả tiền mua đất của người em vợ anh P, giao nhận tiền tại nhà chị H thuộc xã A, huyện T, tỉnh N.

+ Ngày 05-11-2019 cho vay 300.000.000 đồng, giao nhận tiền tại nhà chị H thuộc xã A, huyện T, tỉnh N.

+ Ngày 15-12-2019, cho vay 50.000.000 đồng, giao nhận tiền tại nhà anh P thuộc xã H, huyện B, tỉnh N;

+ Ngày 04-01-2020 cho vay 20.000.000 đồng, giao nhận tiền tại trụ ATM Ngân hàng Nam Á tại thị trấn B, huyện B, tỉnh N.

+ Ngày 17-8-2020 cho vay 550.000.000 đồng, anh P vay để mua xe ô tô biển số 51-A711.77 đã qua sử dụng, giao nhận tiền tại quán cà phê thuộc huyện T, tỉnh N.

Khi vay hai bên không có thỏa thuận tiền lãi, thỏa thuận miệng với nhau là đến tháng 11-2020 sẽ thanh toán hết nợ. Từ khi vay đến nay anh P chưa trả khoản tiền nào cho chị H. Chị H yêu cầu anh P trả tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị H, rút lại yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu anh Phúc trả 1.020.000.000 đồng, chỉ yêu cầu anh P trả số tiền 542.000.000 đồng, không yêu cầu anh P trả tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn – anh Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn H trình bày:

Anh P với chị H quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau khi anh P sinh sống tại huyện T, tỉnh N. Trong thời gian này, anh P và chị H có cùng nhau kinh doanh bất động sản.

Anh P có nhận tiền do chị H chuyển khoản 05 lần thể hiện qua 05 giấy ủy nhiệm chi do Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch huyện B phát, tổng số tiền là 542.000.000 đồng, không phải là tiền vay của chị H. Trong số tiền này có 380.000.000 đồng là tiền của cá nhân anh P đưa chị H giữ gìn, chị H chuyển lại để anh sử dụng; còn lại 162.000.000 đồng là tiền hùn vốn chung của anh và chị H, anh P đã dùng số tiền 125.000.000 đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 135,8 m², thửa đất số 344, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã H, huyện G, tỉnh D, số tiền chênh lệch còn lại 37.000.000 đồng anh P đã trả lại cho chị H, không làm giấy tờ ký nhận.

Đối với số tiền 1.020.000.000 đồng mà chị H cho rằng đưa anh P vay bằng tiền mặt, anh P không vay và không nhận khoản tiền này.

Do đó, anh P không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H hoàn trả số tiền 1.562.000.000 (một tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng và không đồng ý trả lãi vì anh P không vay của chị H bất cứ khoản tiền nào.

Ngoài ra, anh P cho rằng chị H hiện đang giữ tài sản của anh P gồm số tiền mặt 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và 01 xe Camry biển số 60A-039.49. Trong vụ án này anh P không tranh chấp với chị H về tài sản này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST, ngày 10-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh N, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn P về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền 542.000.000 (năm trăm bốn mươi hai triệu) đồng, ghi nhận chị H không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn P không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Nguyễn Văn P phải trả cho

chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu anh Nguyễn Văn P hoàn trả số tiền 1.020.000.000 (một tỷ không trăm hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, ... theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-12-2022, bị đơn anh Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên buộc anh trả cho chị H số tiền 542.000.000 đồng. Vì anh không có vay tiền của chị H.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh P trả số tiền 542.000.000 đồng.

- Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc anh Nguyễn Văn P trả cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền 542.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: chị Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P trả tổng cộng số tiền chị H cho anh P vay là 1.562.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số tiền 1.020.000.000 đồng, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu về số tiền này của chị H là phù hợp, đúng pháp luật. Đối với số tiền 542.000.000 đồng chị H khởi kiện thể hiện tại 05 giấy ủy nhiệm chi (từ bút lục số 53 đến bút lục số 57), chị H cho rằng là tiền anh P vay của chị H, anh P cho rằng đây là tiền của anh P gửi chị H giữ giùm là 380.000.000 đồng, chị H chuyển lại cho anh P tiêu xài; còn 162.000.000 đồng là tiền chị H chuyển cho anh P để đặt cọc mua đất chung giữa chị H và anh P, chị H không thừa nhận, anh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh P trả cho chị H số tiền 542.000.000 đồng này là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác, trường hợp này phải tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm điều chỉnh lại. Từ những viện dẫn trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn (chị Lê Thị Ngọc H) khởi kiện yêu cầu bị đơn (anh Nguyễn Văn P) trả số tiền vay gốc tổng cộng là 1.562.000.000 đồng, trong đó có 542.000.000 đồng có giấy, thể hiện tại 05 giấy ủy nhiệm chi, anh P nhận tiền có ký tên; còn lại 1.020.000.000 đồng chị H giao trực tiếp cho anh P, không làm giấy tờ. Anh P cho rằng, anh không có vay bất cứ số tiền gì của chị H, số tiền anh nhận 542.000.000 đồng do chị H chuyển cho anh qua Ngân hàng là tiền chị H giữ giùm anh và gửi trả lại để anh tiêu xài là 380.000.000 đồng, số tiền còn lại 162.000.000 đồng để đặt cọc mua đất, chị H không thừa nhận, anh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định việc gửi tiền cho chị H giữ giùm, việc hùn vốn mua bán đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự và khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là không chính xác, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: anh P khai nhận, anh có nhận số tiền 542.000.000 đồng do chị H chuyển tiền thể hiện tại các giấy ủy nhiệm chi của Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tây Ninh – Phòng giao dịch huyện B, nhưng anh cho rằng số tiền này không phải là tiền anh vay của chị H, mà là số tiền anh gửi chị H giữ giùm là 380.000.000 đồng, chị H chuyển trả cho anh để tiêu xài, còn 162.000.000 đồng là tiền hùn làm ăn chung đặt cọc nhận chuyển nhượng đất giữa chị H và anh. Chị H không thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền 162.000.000 đồng thể hiện tại ủy nhiệm chi ngày 25-5-2020, anh P trình bày đã đặt cọc mua đất ở huyện G, tỉnh D số tiền 125.000.000 đồng, số tiền còn lại 37.000.000 đồng anh đã gửi trả lại cho chị H. Chị H không thừa nhận. Căn cứ vào giấy hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25-5-2020 (bút lục 129), anh P đã đặt cọc cho ông Đỗ Đăng K 125.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 135,8 m² thửa 344, tờ bản đồ số 20 tại xã H, huyện G, tỉnh D. Tại mặt sau hợp đồng đặt cọc này ghi: “ PG, ngày 24-6-2020, bên mua đã giao tiền đầy đủ cho bên bán, tổng số tiền đã giao là 725.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng). Bên mua đã giao tiền và bên bán đã nhận đầy đủ số tiền trên” anh P và ông Đỗ Đăng K cùng ký tên, hợp đồng này không có chữ ký và họ tên của chị H. Anh P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Đăng K nêu trên là do anh và chị H cùng hùn vốn với nhau để nhận chuyển nhượng.

[2.2] Đối với số tiền 380.000.000 đồng anh P nhận thể hiện tại 04 ủy nhiệm chi ngày 29-11-2019, 19-12-2019, 02-01-2020 và 08-01-2020, anh P cho rằng đây là số tiền tiết kiệm của anh gửi chị H giữ gìn, chị H chuyển trả cho anh để anh tiêu xài, chị H không thừa nhận, anh P không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ xác định số tiền 542.000.000 đồng chị H chuyển, anh P nhận, thể hiện tại các giấy ủy nhiệm chi 29-11-2019, 19-12-2019, 02-01-2020, 08-01-2020 và 25-5-2020 của Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Tây Ninh – Phòng giao dịch huyện B, là tiền anh P vay của chị H đến nay chưa trả. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Nguyễn Văn P trả cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền 542.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Anh P kháng cáo, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh P.

[6] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn P, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Tại Đơn khởi kiện ngày 08-4-2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06-5-2021, chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu anh Nguyễn Văn P trả tổng số tiền vay gốc 1.562.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.020.000.000 đồng, chỉ yêu cầu anh P trả số tiền vay gốc còn lại là 542.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn P là chưa chính xác, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, điều chỉnh lại cách tuyên cho đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST, ngày 10-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Văn P trả cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền vay gốc 542.000.000 (năm trăm bốn mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh P trả tiền lãi.

Kể từ ngày chị Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn P không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh P phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Văn P về số tiền vay 1.020.000.000 (một tỷ không trăm hai mươi triệu) đồng. Chị H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Nguyễn Văn P phải chịu 25.680.000 (hai mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

3.2. Chị Lê Thị Ngọc H không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 17.620.000 (mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005175 ngày 19-5-2021 và số tiền 11.810.000 (mười một triệu tám trăm mười nghìn) đồng tại biên lai thu số 0003644 ngày 08-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh N.

4. Án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh P đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0003737 ngày 23-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh N.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Ngẫu